

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày 11-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Dân

Ông Trần Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 22-3-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở: N, Phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sỹ K - Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S, là người đại diện ủy quyền theo văn bản số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28-12-2020 và văn bản ủy quyền số 02A/2021/UQ-CNQ4 ngày 05-01-2021; địa chỉ liên hệ: Đ, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Tô N, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp Kiết Lợi, xã Lâm Kiết, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-4-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S có người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 17-11-2017, ông Lý Tô N có ký với Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.064.000 đồng, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.811.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không trả số tiền nợ còn lại là vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 31-03-2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 11-5-2021, ông N còn nợ Ngân hàng tổng cộng 19.655.277 đồng, trong đó nợ gốc 10.740.993 đồng, nợ lãi 8.914.284 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 12-5-2021 đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn ông Lý Tô N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định, bị đơn vắng mặt không có lý do không chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về nghĩa vụ trả tiền vốn, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 14, 15 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; ông N ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 30-10-2017 với Ngân hàng có cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc (bút lục số 76) nhưng sau đó ông thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới (bút lục số 85, 89, 114, 124, 129) theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; tại phiên tòa, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông N về tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 30-10-2017, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Thông báo v/v thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113/TB-TTT ngày 04-7-2011, Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam (bút lục số 73-77). Thấy rằng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 30-10-2017, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên được ký kết giữa Ngân hàng với ông N trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận, ông đã sử dụng tiền vay của Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn gốc, phí và lãi phát sinh theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 11-5-2021 là 19.655.277 đồng, trong đó nợ gốc là 10.740.993 đồng, nợ lãi là 8.914.284 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp ý chí thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Lý Tô N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 11-5-2021 là 19.655.277 đồng (trong đó nợ gốc là 10.740.993 đồng, nợ lãi là 8.914.284 đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 30-10-2017, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Kể từ ngày 12-5-2021, nếu ông Lý Tô N không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng S thì ông còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 30-10-2017, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S trên số tiền vốn vay chưa thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý Tô N phải chịu 982.700 đồng.

- Ngân hàng S không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp 371.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032620 ngày 12-06-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân